

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 1066/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

**Của Thủ tướng Chính phủ số 1066 /QĐ-TTG ngày 25 tháng 11 năm 1998
về việc phê duyệt quy hoạch đất quốc phòng do bộ đội biên phòng
quản lý trên địa bàn cả nước**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Căn cứ Nghị định số 09/CP ngày 12 tháng 2 năm 1996 của Chính phủ về chế độ quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh;

Xét đề nghị của Bộ Quốc phòng (tờ trình số 2925/QP ngày 18 tháng 9 năm 1998), của Tổng cục Địa chính (tờ trình số 1975 TT/TCĐC ngày 6 tháng 11 năm 1998),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Phê duyệt đất quốc phòng do Bộ đội biên phòng quản lý, sử dụng là 1.296 vị trí, diện tích 2.874,24 ha để sử dụng vào các mục đích sau:

- Đất sử dụng cho các đơn vị đóng quân: 1.144 vị trí, diện tích 2.271,44 ha.
- Đất sử dụng làm căn cứ hải quân và căn cứ quân sự khác: 6 vị trí, diện tích 11,61 ha.
- Đất sử dụng làm các công trình phòng thủ: 29 vị trí, diện tích 81,42 ha.
- Đất làm cảng quân sự: 7 vị trí, diện tích 10,58 ha.
- Đất làm các công trình công nghiệp, khoa học kỹ thuật phục vụ quốc phòng, quốc phòng kết hợp kinh tế: 7 vị trí, diện tích 17,51 ha.

- e) Đất sử dụng làm kho tàng của lực lượng vũ trang: 14 vị trí, diện tích 61,37 ha.
- g) Đất sử dụng làm trường bắn, thao trường: 42 vị trí, diện tích 213,18 ha.
- h) Đất xây dựng nhà trường, bệnh viện, nhà an dưỡng của lực lượng vũ trang: 37 vị trí, diện tích 108,34 ha.
- i) Đất sử dụng vào việc xây dựng các công trình quốc phòng khác: 10 vị trí, diện tích 98,77 ha.

Diện tích vị trí đất quốc phòng do Bộ đội biên phòng quản lý được phân bố trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

Tỉnh Lạng Sơn	65 vị trí, diện tích 129,70 ha
Tỉnh Cao Bằng	33 vị trí, diện tích 46,20 ha
Tỉnh Bắc Giang	1 vị trí, diện tích 11,37 ha
Tỉnh Lai Châu	45 vị trí, diện tích 78,98 ha
Tỉnh Sơn La	21 vị trí, diện tích 213,38 ha
Tỉnh Hà Giang	26 vị trí, diện tích 132, 47 ha
Tỉnh Vĩnh Phú	2 vị trí, diện tích 25,30 ha
Tỉnh Lào Cai	24 vị trí, diện tích 58,32 ha
Thành phố Hà Nội	8 vị trí, diện tích 17,00 ha
Tỉnh Hà Tây	6 vị trí, diện tích 46,70 ha
Tỉnh Hòa Bình	4 vị trí, diện tích 47, 92 ha
Tỉnh Hưng Yên	1 vị trí, diện tích 1,55 ha
Tỉnh Quảng Ninh	61 vị trí, diện tích 321,13 ha
Thành phố Hải Phòng	32 vị trí, diện tích 32,53 ha
Tỉnh Thái Bình	11 vị trí, diện tích 5,29 ha
Tỉnh Nam Định	19 vị trí, diện tích 13, 39 ha
Tỉnh Ninh Bình	3 vị trí, diện tích 5,06 ha
Tỉnh Thanh Hóa	53 vị trí, diện tích 92,96 ha
Tỉnh Nghệ An	45 vị trí, diện tích 68,04 ha

Tỉnh Hà Tĩnh	30 vị trí, diện tích 81,62 ha
Tỉnh Quảng Bình	24 vị trí, diện tích 46,14 ha
Tỉnh Quảng Trị	38 vị trí, diện tích 35,79 ha
Tỉnh Thừa Thiên - Huế	33 vị trí, diện tích 50,97 ha
Thành phố Đà Nẵng	18 vị trí, diện tích 18,74 ha
Tỉnh Quảng Nam	26 vị trí, diện tích 45,44 ha
Tỉnh Quảng Ngãi	38 vị trí, diện tích 34,32 ha
Tỉnh Gia Lai	46 vị trí, diện tích 223,99 ha
Tỉnh Kon Tum	19 vị trí, diện tích 54,51 ha
Tỉnh Đắk Lắk	23 vị trí, diện tích 141,86 ha
Tỉnh Bình Định	26 vị trí, diện tích 15,02 ha
Tỉnh Phú Yên	18 vị trí, diện tích 10,92 ha
Tỉnh Khánh Hòa	40 vị trí, diện tích 17, 65 ha
Tỉnh Ninh Thuận	14 vị trí, diện tích 7,88 ha
Tỉnh Bình Thuận	39 vị trí, diện tích 36,65 ha
Tỉnh Bình Phước	23 vị trí, diện tích 157,33 ha
Tỉnh Tây Ninh	60 vị trí, diện tích 88,70 ha
Tỉnh Long An	33 vị trí, diện tích 78,92 ha
Tỉnh Đồng Nai	1 vị trí, diện tích 3,92 ha
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	36 vị trí, diện tích 31,22 ha
Thành phố Hồ Chí Minh	39 vị trí, diện tích 30,47 ha
Tỉnh Đồng Tháp	26 vị trí, diện tích 42,91 ha
Tỉnh An Giang	24 vị trí, diện tích 26,73 ha
Tỉnh Kiên Giang	73 vị trí, diện tích 130,77 ha
Tỉnh Tiền Giang	13 vị trí, diện tích 20,10 ha
Tỉnh Bến Tre	15 vị trí, diện tích 18,92 ha
Tỉnh Trà Vinh	15 vị trí, diện tích 16,58 ha